

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 02/8/2022

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình
giữa chị Tr với anh H

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T – TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Tư Duy

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Quốc Sửu;

Bà Trần Thị Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vi Thị Lan Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 154/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2022 về việc ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 132/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 95/2022/QĐST-HNGĐ ngày 22/7/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lại Thị Tr, sinh năm 1994 (có mặt)

Nơi ĐKKHKT: thôn A, xã Ng, huyện T, tỉnh Bắc Giang;

Nơi cư trú: thôn Đ, xã Ng, huyện T, tỉnh Bắc Giang;

- Bị đơn: anh Phạm Văn H, sinh năm 1988 (có mặt)

Nơi cư trú: thôn A, xã Ng, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/02/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lại Thị Tr trình bày:

Chị và anh Phạm Văn H kết hôn ngày 22/11/2019, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ng, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Trước khi kết hôn chị và anh H có thời gian tìm hiểu và tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn, chị về làm dâu tại gia đình anh H ngay, thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận. Năm 2022, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống, làm ăn, sinh hoạt, nên xảy ra cãi chửi nhau nhiều lần. Khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn thì hai bên gia đình đã khuyên bảo, hòa giải nhiều lần nhưng không thành, vợ chồng đã ly thân từ tháng 02/2022 cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên chị xin ly hôn với anh H.

Về con chung: vợ chồng chị có 01 con chung là Phạm Cẩm T, sinh ngày

14/11/2020. Kể từ khi vợ chồng ly thân đến nay, chị là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Nay chị nhận nuôi con và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con với mức 2.000.000 đồng/tháng, kể từ khi ly hôn đến khi con đủ 18 tuổi. Chị xác định có đủ điều kiện để nuôi con, hiện chị làm công nhân tại Công ty S thu nhập hàng tháng trên 10 triệu đồng.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Tr có mặt và trình bày: chị nhận nuôi con và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con với mức 1.500.000 đồng/tháng, kể từ khi ly hôn đến khi con đủ 18 tuổi.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 10/6/2022 và những lời khai tiếp theo, bị đơn anh Phạm Văn H trình bày:

Anh nhất trí với trình bày của chị Tr về ngày tháng kết hôn, điều kiện kết hôn, thời gian chung sống, thời điểm ly thân, con chung. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do chị Tr không tôn trọng anh và gia đình anh, vợ chồng có xảy ra cãi vã, to tiếng. Mặt khác, khi anh bị tai nạn lao động thì chị Tr cũng không quan tâm, chăm sóc cho anh mà thường xuyên đòi về nhà bố mẹ đẻ ở. Khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn thì đã được hai bên gia đình hòa giải động viên nhưng không thành. Đầu năm 2022 chị Tr bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, nên vợ chồng đã ly thân từ đó cho đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng nên anh nhất trí ly hôn với chị Tr.

Về con chung: vợ chồng anh có 01 con chung là Phạm Cẩm T, sinh ngày 14/11/2020, hiện cháu đang được chị Tr nuôi dưỡng. Ly hôn, anh nhận nuôi con và không yêu cầu chị Tr cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay anh đang làm việc tại Công ty H - KCN Q, huyện V, thu nhập khoảng 4.500.000 đồng/ tháng, nên anh xác định có đủ điều kiện nuôi con.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: anh xác định không có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh H có mặt và trình bày: Anh nhất trí ly hôn với chị Tr, sau ly hôn anh nhận nuôi con và không yêu cầu chị Tr cấp dưỡng nuôi con. Nếu anh không được trực tiếp nuôi con thì anh chỉ đồng ý cấp dưỡng nuôi con với mức 500.000 đồng/tháng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán: thụ lý vụ án theo đúng thẩm quyền, xác định mối quan hệ tranh chấp, những người tham gia tố tụng đúng, đủ; tiến hành thu thập chứng cứ, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ và hoà giải, tổng đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng, chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử (HĐXX) đảm bảo về thành phần, nguyên tắc xét xử; tại phiên tòa HĐXX đã thực hiện đủ, đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm; Thư ký chấp hành đúng quyền

hạn, trách nhiệm theo quy định; Nguyên đơn, bị đơn có ý thức chấp hành các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, sau khi phân tích Kiểm sát viên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Tr, xử:

Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lại Thị Tr và anh Phạm Văn H.

Con chung: giao cho chị Tr nuôi con Phạm Cẩm T, sinh ngày 14/11/2020. Anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng chị Tr với mức 1.000.000/tháng kể từ khi ly hôn đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về án phí: Chị Tr phải chịu án phí ly hôn, anh H phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, sau khi nghe ý kiến đề nghị của đương sự, Kiểm sát viên. Sau khi thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về quan hệ hôn nhân: chị Lại Thị Tr kết hôn cùng anh Phạm Văn H ngày 22/11/2019, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ng, huyện T, tỉnh Bắc Giang trên cơ sở tự nguyện, đây là hôn nhân hợp pháp, phù hợp với quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống với nhau ngay, đến cuối năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không quan tâm đến nhau, khi xảy ra mâu thuẫn thì đã được gia đình hòa giải, khuyên bảo nhưng không thành. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 2 năm 2022 cho đến nay. Nay chị Tr xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên chị xin ly hôn với anh H. Anh H cũng xác định vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nay anh cũng nhất trí ly hôn với chị Tr. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã làm việc với gia đình anh H cũng như chính quyền địa phương thì gia đình anh H và chính quyền địa phương nơi vợ chồng anh H, chị Tr sinh sống đều xác định vợ chồng chị Tr, anh H có xảy ra mâu thuẫn và vợ chồng đã ly thân từ tháng 02/2022 cho đến nay. Như vậy, vợ chồng chị Tr, anh H đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng Điều 55 Luật hôn nhân gia đình để công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Tr với anh H.

[2] Về con chung: Chị Tr và anh H có 01 con chung là Phạm Cẩm T, sinh ngày 14/11/2020. Hiện nay, con chung đang được chị Tr nuôi dưỡng. Nay chị Tr xác định có đủ điều kiện để nuôi con nên chị nhận nuôi con. Anh H cũng nhận nuôi con. Hội đồng xét xử thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, chị Tr có nộp bảng lương, theo đó thu nhập của chị Tr trên 10 triệu đồng/ tháng, còn anh H trình bày có thu nhập hàng tháng khoảng 4,5 triệu đồng, tài liệu mà anh H giao nộp thì thấy mức lương trung bình của anh H từ tháng 2/2022 đến tháng 5/2022 là 6.200.000 đồng. Như vậy, có thể thấy chị Tr, anh H đều đủ điều kiện để nuôi con, nhưng kể từ khi ly thân đến nay con chung của anh, chị đang được chị Tr nuôi dưỡng, cháu T phát triển tốt về mọi mặt và hiện cháu T dưới 36 tháng tuổi. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, tránh làm xáo trộn

cuộc sống của con khi giải quyết ly hôn, cần giao cho chị Tr nuôi dưỡng con chung là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con, tại phiên tòa chị Tr yêu cầu cấp dưỡng với mức 1.500.000 đồng/tháng, anh H xác định mức cấp dưỡng trên là quá cao so với thu nhập của anh và anh nhất trí cấp dưỡng với mức 500.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy mức thu nhập trung bình của anh H là 6.200.000 đồng. Mặt khác, nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng, theo chị Tr cung cấp tại phiên tòa là trên 02 triệu đồng. Việc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con để nhằm mục đích bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của con và hỗ trợ một phần tài sản cho con khi cấp dưỡng. Do đó, mức cấp dưỡng mà chị Tr đề nghị tại phiên tòa là phù hợp với thực tế và phù hợp với Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận.

[3] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Chị Tr, anh H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Tr phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, anh H phải chịu án phí theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[5] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại điều 271 và khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lại Thị Tr với anh Phạm Văn H.

2. Về con chung: giao cho chị Lại Thị Tr trực tiếp nuôi con Phạm Cẩm T, sinh ngày 14/11/2020. Anh Phạm Văn H có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung hàng tháng, với mức 1.500.000 đồng/tháng, kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Sau khi ly hôn, anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lại Thị Tr phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị Tr đã nộp theo biên lai số 0011686 ngày 01 tháng 6 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Bắc Giang; anh Phạm Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã Ng;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Tư Duy